

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 189/TTr-SXD ngày 22 tháng 9 năm 2021 và Văn bản số 3834/SXD-QLN-TTBĐS ngày 25 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Xây dựng (Báo cáo);
 - Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐB QH và HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Các Báo, Đài;
 - Chánh, Phó Văn phòng (KTN);
 - Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, Tan (222 bản)
- <F:\2021\UBT\Tham mưu XD\>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY CHẾ

Phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 48 /2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chế độ phối hợp, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các loại bất động sản báo cáo theo Quy chế này, bao gồm:

- a) Đất nền cho xây dựng nhà ở;
- b) Nhà ở riêng lẻ;
- c) Chung cư;
- d) Văn phòng cho thuê;
- đ) Khách sạn;
- e) Mặt bằng thương mại, dịch vụ;
- g) Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- h) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng;
- i) Các loại bất động sản khác theo quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổng hợp báo cáo, tổ chức vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về nhà ở thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Công thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố (Sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) là cơ quan phối hợp quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho Sở Xây dựng.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản như: Hiệp hội bất động sản tỉnh; Chủ đầu tư dự án bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ bất động sản là các đơn vị phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, các dự án bất động sản thuộc phạm vi quản lý, hoạt động của mình cho Sở Xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Lãnh đạo của cơ quan hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị (*Viết tắt là người đại diện theo pháp luật*) có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, dự án bất động sản và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình cung cấp.

2. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử người tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu cho Sở Xây dựng (*Viết tắt là người báo cáo*). Cụ thể:

a) Họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (*Email*) của người báo cáo định kỳ phải được đăng ký với Sở Xây dựng bằng văn bản.

b) Trong quá trình báo cáo nếu có sự thay đổi về người báo cáo định kỳ thì họ tên, chức vụ, số điện thoại, hộp thư điện tử (*Email*) của người báo cáo thay thế phải được ghi rõ trong văn bản báo cáo của cơ quan, đơn vị đó.

c) Người đại diện theo pháp luật và người báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo, thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

d) Việc báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng thông qua các hình thức: Gửi thông tin, dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử và gửi thông tin dữ liệu bằng văn bản, phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung báo cáo. Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản phải báo cáo theo đúng biểu mẫu và thời hạn quy định. Trong trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo phải thông báo và gửi thư điện tử về Sở Xây dựng trong vòng 24 giờ (*Từ khi có thay đổi, điều chỉnh*) trước khi gửi văn bản điều chỉnh chính thức.

đ) Người cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 2 Quy chế này phải là người am hiểu về chuyên môn. Cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm tạo điều kiện để người báo cáo tổng hợp, thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản để thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Sở Xây dựng tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo Quy chế này để tổng hợp, xử lý, đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản. Trường hợp cần bổ sung chỉ tiêu thu thập không thuộc phạm vi Quy chế này, Sở Xây dựng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế địa phương trước khi tổ chức thực hiện.

4. Nội dung thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo phải đầy đủ, chính xác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

5. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; Thông tư số 27/2016/TTBXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và theo các quy định pháp luật hiện hành.

Chương II

NỘI DUNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 4. Nội dung cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

Nội dung cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, cụ thể:

1. Cơ sở dữ liệu về nhà ở, gồm:

- a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;
- b) Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở;
- c) Các thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở;
- d) Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn;
- đ) Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- e) Thông tin về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng;
- g) Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở;
- h) Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà;
- i) Công tác quản lý nhà chung cư;
- k) Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở.

2. Cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản, gồm:

- a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;
- b) Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo;

c) Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch;

d) Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản;

đ) Thông tin về sản giao dịch bất động sản;

e) Số lượng nhà ở cho thuê và văn phòng, khách sạn, mặt bằng thương mại, dịch vụ gồm các thông tin: Đặc điểm về đất đai, xây dựng; quy mô, mục đích sử dụng; đăng ký sở hữu;

g) Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản.

Điều 5. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng tháng (*Trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo*):

a) Sản giao dịch bất động sản; tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; cung cấp thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản bán, cho thuê gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản và thông tin của dự án gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5, 7a, 7b, 7c, 7d tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Sở Tư pháp cung cấp thông tin về lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin về lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cung cấp thông tin dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4c, 7c tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng quý (*Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo*):

a) Chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án bất động sản, tình hình giao dịch bất động sản để bán, cho thuê tại các dự án gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d, 18, 19 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh cung cấp các thông tin về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi

về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cung cấp thông tin dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8c tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp số liệu thông tin các dự án đầu tư xây dựng nhà ở gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp số liệu thông tin các dự án đầu tư xây dựng nhà ở gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

g) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai tổng hợp số liệu về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 17 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ 6 tháng (*Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo*):

a) Sở Công thương cung cấp thông tin dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4c, 7c, 8c tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về công tác quản lý nhà chung cư gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin về sử dụng đất ở gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

e) Sàn giao dịch bất động sản; tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản cung cấp thông tin về sàn giao dịch (*Nếu có thay đổi*); số lượng giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 22, 23 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng năm (*Trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo*):

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn; nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng; nhà ở công vụ tại địa phương; tổng hợp về tình hình phát triển nhà ở; dự báo nhu cầu về nhà ở thương

mại, nhà ở xã hội tại địa phương gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 14, 15, 16, 24, 25, 26 và theo mục (3) và (6) Biểu mẫu số 29 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Cục Thống kê tỉnh cung cấp số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp của các chương trình điều tra, thống kê về dân số và nhà ở chậm nhất sau 20 ngày kể từ khi các kết quả điều tra, thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự báo nhu cầu về nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh hàng năm theo Biểu mẫu số 25, 26 gửi về Sở Xây dựng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tổng hợp số liệu thông tin về lượng nhà ở đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tại các dự án; tổng số nhà ở khởi công theo dự án; tổng số nhà ở hoàn thành trong năm; tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm; tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 27, 28, 29, 30, 31 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Hình thức thu thập và phương thức gửi, cơ quan nhận báo cáo

a) Các hình thức thu thập, cập nhật báo cáo:

- Từ các báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

- Từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

- Từ dữ liệu sẵn có về nhà ở và thị trường bất động sản;

- Từ số liệu điều tra, khảo sát;

- Hình thức khác.

b) Phương thức gửi báo cáo:

- Bằng văn bản qua đường bưu điện và tệp dữ liệu điện tử gửi qua email.

- Sau khi các đơn vị được cấp tài khoản và hướng dẫn báo cáo, các cơ quan, đơn vị thực hiện gửi dữ liệu qua hệ thống phần mềm của Bộ Xây dựng.

c) Cơ quan nhận báo cáo: Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Sở Xây dựng Đồng Nai; Địa chỉ: Số 38 Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Email: qlntbdsdn@gmail.com.

Điều 6. Thu thập, cập nhật, xử lý, lưu trữ thông tin dữ liệu

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận các báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức báo cáo để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được số hóa, lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và định kỳ công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Phối hợp, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu

1. Các hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu:

- a) Qua mạng internet, mạng chuyên dùng;
- b) Qua trang thông tin điện tử do Sở Xây dựng quy định;
- c) Thông qua phiếu yêu cầu (*Mẫu phiếu tham khảo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*);

d) Bảng hợp đồng giữa Sở Xây dựng và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng, phạm vi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản ngoài phạm vi quản lý phải được sự chấp thuận của Sở Xây dựng;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài quy định tại Điểm a Khoản này, được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản nhằm phục vụ những mục đích chính đáng của mình;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản không được cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân trừ trường hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này khi có nhu cầu sử dụng thông tin phải thanh toán dịch vụ cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định. Số tiền thu được từ dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức thu thập, tiếp nhận các thông tin, dữ liệu để cập nhật, xử lý, lưu trữ và tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định.

3. Là cơ quan đầu mối tổng hợp các báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng (*Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản*). Đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra nội dung báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các sai phạm của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện.

4. Cung cấp thông tin cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ công bố các thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường bất động sản của địa phương theo quy định.

6. Lập dự toán kinh phí cho việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; thu thập, cập nhật, bổ sung các thông tin, dữ liệu; tính toán, công bố các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bố trí cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan được phân công có trách nhiệm báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản đầy đủ, chính xác, theo đúng biểu mẫu và đúng thời hạn quy định, đảm bảo việc kết nối thông tin đầy đủ, kịp thời đối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản của cơ quan mình theo Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Hiệp hội Bất động sản tỉnh Đồng Nai tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy chế này đến các thành viên trong Hiệp hội trong việc sử dụng, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản của đơn vị mình theo quy định.

2. Các chủ đầu tư dự án bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc cập nhật, sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định.

3. Tuân thủ các nguyên tắc phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về xây dựng, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

quy định tại Điều 3 Quy chế này và các quy định liên quan của các cấp có thẩm quyền.

4. Cung cấp đầy đủ thông tin, chính xác nội dung biểu mẫu cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định đúng thời hạn.

5. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

6. Khi xảy ra các hành vi vi phạm: Không có báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ, không đúng thời hạn theo quy định; làm sai lệch, chiếm giữ tiêu hủy trái phép, hư hỏng, thất thoát thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; khai thác, sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trái với quy định của pháp luật; cản trở việc khai thác, sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản điều chỉnh, bổ sung các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến nội dung Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; đồng thời, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.



Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 48 /2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Nội dung
Biểu mẫu số 1	Thông tin về lượng giao dịch bất động sản bán trong kỳ
Biểu mẫu số 2	Thông tin về lượng giao dịch bất động sản cho thuê trong kỳ
Biểu mẫu số 3	Thông tin về giá giao dịch các bất động sản
Biểu mẫu số 4a	Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
Biểu mẫu số 4b	Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)
Biểu mẫu số 4c	Báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
Biểu mẫu số 5	Báo cáo về tình hình bán, cho thuê mua nhà ở tại các dự án cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
Biểu mẫu số 6	Báo cáo về lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng/chứng thực
Biểu mẫu số 7a	Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án nhà ở (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp)
Biểu mẫu số 7b	Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
Biểu mẫu số 7c	Báo cáo về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
Biểu mẫu số 7d	Báo cáo của chủ đầu tư về thông tin của dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)
Biểu mẫu số 8a	Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, tòa nhà chung cư hỗn hợp)
Biểu mẫu số 8b	Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)
Biểu mẫu số 8c	Báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Biểu mẫu số 8d	Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án bất động sản (<i>Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn</i>)
Biểu mẫu số 9	Báo cáo về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà
Biểu mẫu số 10	Thông tin về quản lý nhà chung cư.
Biểu mẫu số 11	Báo cáo thông tin về sử dụng đất ở của địa phương
Biểu mẫu số 12	Báo cáo tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
Biểu mẫu số 13	Số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
Biểu mẫu số 14	Tổng hợp số lượng nhà ở đô thị, nông thôn tại địa phương
Biểu mẫu số 15	Tổng hợp nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng tại địa phương
Biểu mẫu số 16	Tổng hợp số lượng nhà ở công vụ
Biểu mẫu số 17	Tổng hợp về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
Biểu mẫu số 18	Tình hình giao dịch bất động sản để bán
Biểu mẫu số 19	Tình hình giao dịch bất động sản để cho thuê
Biểu mẫu số 20	Thông tin về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Biểu mẫu số 21	Thông tin của các dự án xây dựng nhà ở
Biểu mẫu số 22	Thông tin về sản giao dịch bất động sản
Biểu mẫu số 23	Số lượng giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn
Biểu mẫu số 24	Báo cáo tổng hợp về tình hình phát triển nhà ở
Biểu mẫu số 25	Báo cáo về nhu cầu nhà ở thương mại
Biểu mẫu số 26	Báo cáo về nhu cầu nhà ở xã hội
Biểu mẫu số 27	Thông tin về lượng nhà ở đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tại các dự án
Biểu mẫu số 28	Tổng số nhà ở khởi công theo dự án
Biểu mẫu số 29	Tổng số nhà ở hoàn thành trong năm
Biểu mẫu số 30	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm
Biểu mẫu số 31	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 48 /2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



**MẪU - PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN,
DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:

a) Chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân):

b) Số CMTND: Ngày cấp:

c) Nơi cấp:

2. Thông tin liên hệ:

a) Địa chỉ liên hệ:

b) Số điện thoại: E-mail:

3. Danh mục và nội dung các thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

4. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

a) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu:

- Nhận thông tin, số liệu do Bên cung cấp gửi ☐

- Khai thác qua mạng internet, trang thông tin điện tử ☐

Thời gian khai thác qua mạng internet, trang điện tử: từ đến.....

b) Hình thức nhận kết quả thông tin, dữ liệu hoặc tài khoản truy cập:

- Nhận trực tiếp tại cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu ☐

- Nhận qua đường công văn ☐

- Nhận qua đường bưu điện ☐

- Nhận qua E-mail ☐

5. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

a) Không cung cấp thông tin, dữ liệu, tài khoản truy cập cho các tổ chức, cá nhân khác;

b) Tuân thủ các quy định hiện hành trong việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và chịu mọi trách nhiệm về sai phạm trong việc sử dụng thông tin, dữ liệu.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN YÊU CẦU
CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU**

*(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức,
ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....
Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN BÁN TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng năm....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Đất nền (lô)	Diện tích văn phòng (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤70 m ² (3)	70 m ² < Diện tích ≤120 m ² (4)	Diện tích >120 m ² (5)	Liên kề (6)	Biệt thự (7)	Nhà ở độc lập (8)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quận/huyện:.... Bất động sản phát triển theo dự án									
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu									
2	Quận/huyện:....									
...	...									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng ... năm....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Diện tích văn phòng (m ²)			Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤ 70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤ 120 m ²	Diện tích > 120 m ²	Liên kết	Biệt thự	Nhà ở độc lập	Hạng A	Hạng B	Hạng C	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Huyện:.... Bất động sản phát triển theo dự án										
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu										
2	Huyện:....										
....	...										

Ngàytháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ GIÁ GIAO DỊCH CÁC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: Tháng năm....

TT	Loại bất động sản	Địa chỉ bất động sản	Số hiệu giấy chứng nhận quyền sở hữu bất động sản, quyền sử dụng đất	Số hiệu thửa đất	Hình thức giao dịch		Thời điểm giao dịch thành công	Diện tích giao dịch (m ²)	Giá giao dịch		Đặc điểm bất động sản
					Bán	Cho thuê			Bán(triệu đồng)	Cho thuê (triệu đồng /tháng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
...											

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột (2) gồm: Căn hộ chung cư, đất nền, nhà riêng lẻ, văn phòng (hạng A, B, C), mặt bằng thương mại, dịch vụ.

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Kỳ báo cáo: Tháng năm

[illegible]

Biểu mẫu số 4a tiếp theo

[illegible]

Biểu mẫu số 4a tiếp theo

[illegible]

Biểu mẫu số 4a tiếp theo

Lấy kế bất động sản đã cho thuê tính đến hết kỳ báo cáo																			
TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ						Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² <Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề			Biệt thự				
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(62)	(63)	(64)	(65)	(66)	(67)	(68)	(69)	(70)	(71)	(72)	(73)		
I	Quận/huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
II	Quận/huyện																		
...	...																		
Tổng cộng																			

Biểu mẫu số 4a tiếp theo

Bất động sản dù điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tính đến hết kỳ báo cáo																			
TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ				Đất nền		Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² <Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự					
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nền (lô)	Tổng diện tích đất nền (m ²)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(74)	(75)	(76)	(77)	(78)	(79)	(80)	(81)	(82)	(83)	(84)	(85)	(86)	(87)
I	Quận/huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
II	Quận/huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
Tổng cộng																			

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và
 Số điện
 Email:.....

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH TẠI CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)

Kỳ báo cáo: Tháng năm

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng diện tích đất đã xây dựng công trình (ha)	Trong tháng báo cáo								Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo			
					Số lượng nhà/căn đã xây dựng (căn)	Số lượng nhà/căn đã bán (căn)	Số lượng nhà/căn chưa bán (căn)	Số lượng nhà/căn đã cho thuê (căn)	Số lượng nhà/căn chưa cho thuê (căn)	Số lượng nhà/căn trung bình (triệu đồng/ m ²)	Số lượng nhà/căn trung bình (triệu đồng/ m ²)	Số lượng nhà/căn đã bán (căn)	Số lượng nhà/căn chưa bán (căn)	Số lượng nhà/căn đã bán (căn)	Số lượng nhà/căn chưa bán (căn)	Số lượng nhà/căn đã bán (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Quận/huyện:...															
1	Dự án khu du lịch sinh thái															
...	...															
2	Dự án khu nghỉ dưỡng															
...	...															
3	Dự án hỗn hợp sinh thái, nghỉ dưỡng															
...	...															
II	Quận/huyện:...															
...	...															
Tổng cộng																

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công thương):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Kỳ báo cáo: Tháng ... Năm ...

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Diện tích đất được duyệt (ha)	Trong tháng báo cáo			Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo	
					Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/ha)	Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã cho thuê (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Quận/huyện:								
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp								
...	...								
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp								
...	...								
II	Quận/huyện:.....								
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp								
...	...								
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp								
...	...								
Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH BÁN, CHO THUÊ MUA NHÀ Ở TẠI CÁC DỰ ÁN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

Kỳ báo cáo: Tháng ... Năm ...

TT	Tên dự án	Tên tòa nhà chung cư, khu nhà ở riêng lẻ	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng nhà theo dự án được duyệt (căn)	Số lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức nước ngoài (căn)		Nhà ở để bán, cho thuê mua nước ngoài (căn)		Tổng cộng số lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn)	
						Trong tháng báo cáo	Lũy kế tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Lũy kế tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7)+(9)	(12)=(8)+(10)
1	Dự án....										
		Tòa nhà chung cư....									
		...									
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
		...									
2	Dự án....										
		Tòa nhà chung cư....									
		...									
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
		...									
	...										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Sở Tư pháp/ UBND cấp xã):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỂ BÁN QUA CÔNG CHỨNG/CHỨNG THỰC

Kỳ báo cáo: Tháng ... năm...

TT	Địa điểm bất động sản	Số lượng giao dịch bất động sản để bán được tổng hợp từ số liệu công chứng/chứng thực trong tháng báo cáo								Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Đất nền để ở (lô)		Nhà ở riêng lẻ (căn)		Căn hộ chung cư (căn)			Văn phòng cho thuê (m ²)	
		Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quận/huyện:....									
2	Quận/huyện:....									
	...									
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Sở Tư pháp địa phương cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua công chứng tại địa phương.
- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua chứng thực.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư).....
 Địa chỉ, điện thoại:
 Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở
(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp)

Thời điểm báo cáo: Tháng ... năm....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt				Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn nước ngoài)				Cơ cấu bất động sản theo quy hoạch												Danh mục công trình hạ tầng xã hội		
				Số quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiền độ dự án được duyệt (từ ... đến ...)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Vốn điều lệ	Trong đó		Số lượng chung cư				Số lượng nhà ở riêng lẻ		Tổng diện tích sàn nhà ở riêng lẻ (m ²)	Nhà ở xã hội		Đất nền để ở	Diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)				
						Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)			Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội (ha)			Diện tích đất khác (ha)	Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)	Diện tích ≤70 m ² (căn)	Diện tích >120 m ² (căn)	Diện tích chung cư (m ²)	Biệt thự (căn)	Nhà liền kề (căn)										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)
I	Quận/ huyện ...																														
1	Dự án ...																														
2	Dự án ...																														
...	...																														
II	Quận/ huyện ...																														
...	...																														

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Sau khi dự án có quyết định phê duyệt dự án.
- Thời điểm gửi báo cáo bổ sung: Khi có văn bản của các cấp có thẩm quyền thay đổi, bổ sung các nội dung của dự án (về tên dự án, chủ đầu tư, nội dung quyết định phê duyệt, cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu nhà ở,...).
- Cột (7): Tổng mức đầu tư ghi theo quyết định, nếu có điều chỉnh ghi theo quyết định điều chỉnh.
- Cột (32): Ghi rõ số lượng công trình xây dựng làm trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế... (ví dụ: 02 trường tiểu học, 01 trung tâm y tế, 01 chợ...).

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư) :.....
Địa chỉ, điện thoại:
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Thời điểm báo cáo: Tháng năm....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)			Tổng diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Tổng diện tích sàn mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Diện tích khác (m ²)
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó		Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó				
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Đất xây dựng công trình (ha)	Đất công cộng(ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I	Quận/huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
II	Quận/huyện																		
...	...																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công thương).....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN (Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thời điểm báo cáo: Tháng năm....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)		
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyet (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó	
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Diện tích xây dựng nhà xưởng (ha)	Diện tích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở công nhân (ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Quận/huyện ...																
1	Dự án ...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Quận/huyện ...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:

Email:

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (13): Diện tích đất được cho thuê làm nhà xưởng.

- Cột (14): Diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác như nhà điều hành, xử lý nước thải, trạm điện, đường giao thông...

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư) :.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)

Thời điểm báo cáo: Tháng năm....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)			Quy mô dự án		
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ được duyet (từ...đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)	Đất khác (ha)	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)	Số lượng nhà, căn hộ, phòng (căn, phòng)	Tổng diện tích nhà, căn hộ, phòng (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I	Quận/huyện...																		
1	Dự án...																		
2	Dự án...																		
...	...																		
II	Quận/huyện...																		
...	...																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngàythángnăm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư) :.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; tòa nhà chung cư hỗn hợp)

Thời điểm báo cáo: Quý ... năm ...

[illegible]

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô theo thiết kế được duyệt		Thời điểm khởi công (tháng/năm)	Thời điểm xây dựng xong móng (ngày/tháng/năm)	Về xây dựng công trình				Khối lượng mặt bằng thương mại, dịch vụ hoàn thành		
					Diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)			Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Quận/huyện ...														
1	Dự án ...														
2	Dự án ...														
	...														
II	Quận/huyện ...														
	...														

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.

- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công thương):.....
 Địa chỉ, điện thoại:
 Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Kỳ báo cáo: Quý..... năm.....

Xây dựng nhà ở công nhân (nếu có)																	
Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật																	
Về giải phóng mặt bằng																	
TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Về giải phóng mặt bằng		Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật				Về xây dựng nhà ở công nhân (nếu có)				
							Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Thời điểm khởi công (tháng /năm)	Diện tích đất đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất chưa hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Theo thiết kế		Thực tế thực hiện		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
													Diện tích sàn (m ²)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích sàn hoàn thành xây thô (m ²)	Diện tích sàn đã hoàn thành (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Quận/huyện:...																
1	Dự án...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Quận/huyện:...																
...	...																

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ghi chú:
 - Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
 - Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư) :.....
Địa chỉ, điện thoại:
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt (ha)	Số lượng phòng, căn hộ theo thiết kế được duyệt (căn)	Về giải phóng mặt bằng				Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật		Về xây dựng công trình			
								Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích đất đã xây dựng (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Số lượng phòng khách sạn	Phòng khách sạn đã xây dựng xong	Số lượng phòng khách sạn	Diện tích sàn (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Quận/huyện...																
1	Dự án...																
2	Dự án...																
...	...																
II	Quận/huyện...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:
Email:

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo : Sở Tài nguyên và Môi trường
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

Biểu mẫu số 9

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở VÀ QUYỀN SỞ HỮU NHÀ

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Quận/huyện	Số lượng giấy chứng nhận đã cấp trong quý báo cáo			Trong đó: Số lượng cấp giấy chứng nhận chuyển dịch quyền sử dụng đất và sở hữu nhà		
		Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : (UBND cấp huyện)
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ QUẢN LÝ NHÀ CHUNG CƯ

Kỳ báo cáo: 6 tháng ... năm ...

TT	Tên tòa nhà	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng căn hộ	Số hộ dân đã sinh sống	Hình thức quản lý			Đơn vị quản lý	Ngày thành lập và quyết định công nhận ban quản trị
						Chủ đầu tư quản lý	Chủ sở hữu tự quản lý	Thuế đơn vị quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:
Email:

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thành lập ban quản trị: Báo cáo thường kỳ.
- Trường hợp đã thành lập Ban quản trị: Chỉ báo cáo khi có sự thay đổi thông tin về hình thức quản lý, đơn vị quản lý.

Đơn vị báo cáo : Cục Thuế tỉnh
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

Biểu mẫu số 12

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỘP NGÂN SÁCH TỪ ĐẤT ĐẠI VÀ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm

TT	Quận/huyện	Trong quỹ báo cáo (tỷ đồng)						Lũy kế tính từ đầu năm đến hết quý báo cáo (tỷ đồng)					
		Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:
Email:

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : Sở Kế hoạch và Đầu tư
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm

TT	Tổng số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Số lượng doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh					
		Đầu tư xây dựng, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản		Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản			
		Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lấy kế đến kỳ báo cáo	Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lấy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:
Email:

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : (UBND cấp huyện)
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NHÀ Ở ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Tổng số lượng nhà ở						Số lượng nhà ở xã hội						Nhà ở cho thuê							
		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Nhà ở thương mại cho thuê		Nhà ở xã hội cho thuê		Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(5)	(8) = (4)+(6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)=(15)+ (17)	(20) = (16)+(18)
1	Đô thị																				
2	Nông thôn																				
Tổng cộng																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : UBND cấp huyện
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG HỢP NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIẾN CỐ XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Nhà ở kiên cố (căn)	Nhà ở bán kiên cố (căn)	Nhà ở thiếu kiên cố (căn)	Nhà đơn sơ (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đô thị				
2	Nông thôn				
Tổng cộng					

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại.....
Email:.....

HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIẾN CỐ

Việc phân loại nhà ở theo mức độ kiên cố quy định tại Biểu mẫu số 15 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;
2. Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;
3. Nhà thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;
4. Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bền chắc được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây.

g vật liệu bền chắc, không bền chắc

Vật liệu	Kết cấu chính	
	Cột, dầm	Mái
Vật liệu bền chắc	1. Bê tông cốt thép	1. Bê tông cốt thép
	2. Xây gạch, đá	2. Xây gạch, đá
	3. Sắt, thép, gỗ bền chắc	3. Gỗ, kim loại
	4. Gỗ tạp, tre	4. Đất, vôi, rơm
Vật liệu không bền chắc	5. Vật liệu khác	5. Phiên, liếp, ván ép
		6. Vật liệu khác

Đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kỳ báo cáo: Năm.....

Nhà thuê làm nhà công vụ						Nhà công vụ thuộc sở hữu nhà nước							
TT	Tên đơn vị	Biệt thự, nhà liền kề		Căn hộ chung cư		Nhà khác		Biệt thự, nhà liền kề		Căn hộ chung cư		Nhà khác	
		(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(cái)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG HỢP VỀ DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tỉnh/thành phố	Tổng dư nợ tín dụng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản (tỷ đồng)	Trong đó								Dư nợ tín dụng đối với đầu tư kinh doanh bất động sản khác (tỷ đồng)
			Dư nợ tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án văn phòng (cao ốc) cho thuê (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với các dự án khách sạn (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với cho vay chứa mua nhà để bán, cho thuê (tỷ đồng)	Dư nợ tín dụng đối với cho vay mua quyền sử dụng đất (tỷ đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1											
2											
3											
...											
	Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : Chủ đầu tư
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỀ BÁN
Kỳ báo cáo: Quý ... năm...

Stt	Thông tin dự án									Căn hộ đã bán trong kỳ							Nhà liền kề đã bán trong kỳ				
	Tên dự án	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa điểm	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Tổng diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Tổng diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Căn hộ số	Tầng	Tên tòa nhà (block)	Diện tích tìm tương (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)	Giá bán căn hộ (đồng/m ²)	Thời điểm bán	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Giá bán nhà liền kề (đồng/căn)	Thời điểm bán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1																					
2																					

Stt	Nhà biệt thự đã bán trong kỳ					Đất nền đã bán trong kỳ					Văn phòng cho thuê đã bán trong kỳ					Mặt bằng TMĐV đã bán trong kỳ					
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sân xây dựng (m ²)	Giá bán nhà biệt thự (đồng/căn)	Thời điểm bán	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích đất (m ²)	Giá bán đất nền (đồng/m ²)	Thời điểm bán	Ô/ô số	Tầng	Diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Giá bán văn phòng cho thuê (đồng/m ²)	Thời điểm bán	Ô/ô số	Tầng	Diện tích mặt bằng TMĐV (m ²)	Giá bán mặt bằng TMĐV (đồng/m ²)	Thời điểm bán
(1)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)
1																					
2																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:
Email:

Ngày...tháng...năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(5) Số nhà, đường, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện
(12) Ghi rõ kí hiệu tòa nhà, khối nhà (block)
(15) Giá ghi trên hợp đồng mua bán chuyển nhượng (bao gồm thuế VAT)

Đơn vị báo cáo : Chủ đầu tư
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ
Kỳ báo cáo: Quý năm....

Stt	Thông tin dự án						Căn hộ đã cho thuê trong kỳ						Nhà liền kề đã cho thuê trong kỳ					Thời điểm cho thuê	
	Tên dự án	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa điểm	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Căn hộ số	Tầng	Tòa nhà (block)	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)	Giá cho thuê căn hộ (đồng/m ²)	Thời điểm cho thuê	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)		Giá cho thuê nhà liền kề (đồng/căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			

Stt	Nhà biệt thự đã cho thuê trong kỳ					Văn phòng cho thuê trong kỳ					Mặt bằng TMDV đã cho thuê trong kỳ					Thời điểm cho thuê
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Giá cho thuê nhà biệt thự (đồng/căn)	Thời điểm cho thuê	Số ô/lô	Tầng	Diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Giá cho thuê văn phòng (đồng/m ²)	Thời điểm cho thuê	Số ô/lô	Tầng	Diện tích mặt bằng thương mại dịch vụ (m ²)	Giá cho thuê mặt bằng TMDV (đồng/m ²)	
(1)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)
1																
2																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại:.....
Email:.....
Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(5) Số nhà, đường, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện
(10) Ghi rõ kí hiệu tòa nhà, khối nhà (block)
(13) Giá ghi trên hợp đồng cho thuê (bao gồm thuế VAT)

Đơn vị báo cáo : Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(Đối với các trường hợp chuyển nhượng)

Kỳ báo cáo: Quý... năm

STT	Ngày công chứng/ thực	Giá hợp đồng	Thửa số	Tờ bản đồ số	Ngày cấp GCN	Địa chỉ bất động sản	Loại bất động sản	Loại đất	Loại đường/ khu vực	Vị trí	Tổng diện tích đất (m ²)	Diện tích đất ở (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp (m ²)	Diện tích sản (m ²)	Cấp nhà	Hạng nhà	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
2																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Số DT:
Email:

Ghi chú:

- (2) Giá ghi trên hợp đồng mua bán chuyển nhượng (bao gồm thuế VAT)
- (7) Ghi theo địa chỉ thực tế (số nhà, đường, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện) hoặc địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận
- (8) Bao gồm: Đất nền ; Nhà ở riêng lẻ; Chung cư; Văn phòng cho thuê; Khách sạn; Mặt bằng thương mại, dịch vụ...
- (15) Diện tích sàn xây dựng nhà ở

Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

Biểu mẫu số 21

THÔNG TIN CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở
Kỳ báo cáo: Quý... năm ...

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ dự án được duyệt (từ ... đến...)	Mục tiêu đầu tư	Hình thức kinh doanh nhà ở	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Cơ cấu bất động sản theo quy hoạch										Danh mục công trình hạ tầng xã hội	
							Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Căn hộ chung cư	Nhà ở riêng lẻ		Nhà ở xã hội		Đất nền để ở		Diện tích văn phòng cho thuê (nếu có) (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (nếu có) (m ²)			
								Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sản (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sản (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sản (m ²)			Số lượng đất nền (nền)		Tổng diện tích đất nền (m ²)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1																						
2																						
3																						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số ĐT:
Email:

Ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (4): Tổng mức đầu tư ghi theo quyết định phê duyệt dự án; nếu có Điều chỉnh ghi theo quyết định Điều chỉnh dự án;
- Cột (22): Ghi rõ số lượng công trình xây dựng làm trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế v.v.. (Ví dụ: 02 Trường tiểu học, 01 Trung tâm y tế, 01 Chợ v.v..).

Đơn vị báo cáo: Sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ SẢN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ: 6 tháng ... năm 2021

Stt	Tên Sản giao dịch bất động sản	Địa chỉ	Ngày đăng ký hoạt động	Giám đốc	Diện tích (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
..					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:
Email:

Ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:Sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản)

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN QUA SÀN

Kỳ công bố: 6 tháng/ năm ...

Đơn vị tính: lần giao dịch

Nội dung	Tổng số	Chia theo loại bất động sản			
		Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Đất nền	Văn phòng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					(7)
Chia ra:					
- Theo hình thức mua bán					
- Theo hình thức cho thuê					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày.... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Số ĐT:
Email:

Đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

Kỳ báo cáo: Năm ...

Stt	Loại nhà ở	Lượng nhà ở phát triển trong kỳ										Lũy kế lượng nhà ở phát triển tính đến hết kỳ báo cáo									
		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở công vụ		Nhà ở để phục vụ tái định cư		Nhà ở của hộ gia đình cá nhân		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở công vụ		Nhà ở để phục vụ tái định cư		Nhà ở của hộ gia đình cá nhân	
		Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Căn hộ chung cư																				
	Diện tích ≤ 70m ²																				
	70m ² < Diện tích ≤ 120m ²																				
	Diện tích > 120m ²																				
2	Nhà ở riêng lẻ																				
	Nhà liên kế																				
	Biệt thự																				
	Nhà ở độc lập																				
Tổng cộng:																					

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:

Email:

Chú chú:

- Số liệu về lũy kế lượng nhà ở phát triển (cột (13) đến cột (22)) xác định trên cơ sở cộng dồn số liệu từ thời điểm bắt đầu thực hiện chế độ báo cáo đến hết kỳ báo cáo đối với nhà ở đã hoàn thành việc xây dựng.

- Nguồn cung cấp số liệu: từ số liệu thống kê của cơ quan thống kê tại địa phương, báo cáo của các chủ đầu tư dự án, số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện (tổng hợp qua báo cáo cấp phép, khởi công và theo dõi tình hình thực hiện xây dựng trên địa bàn....)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện, Cục thống kê tỉnh.
Địa chỉ, điện thoại:
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI

Kỳ báo cáo : Năm ...

Stt	Khu vực	Dự báo nhu cầu mua, thuê mua căn hộ chung cư (căn)			Dự báo nhu cầu mua nhà ở riêng lẻ (căn)	Dự báo nhu cầu thuê căn hộ chung cư (m2)			Dự báo nhu cầu thuê nhà ở riêng lẻ (căn)	Giai đoạn từ năm ... đến năm ... (m2)
		Diện tích $\leq 70m^2$	$70m^2 < \text{Diện tích} \leq 120m^2$	$\text{Diện tích} > 120m^2$		Diện tích $\leq 70m^2$	$70m^2 < \text{Diện tích} \leq 120m^2$	$\text{Diện tích} > 120m^2$		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quận/huyện ...									
2	Quận/huyện ...									
...	...									
	Tổng cộng									

Ngày.... tháng... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:

Email:

Ghi chú:

- Việc xác định nhu cầu trên cơ sở số liệu khảo sát, đánh giá về số lượng hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu về nhà ở và đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương. Số liệu có thể được tổng hợp dựa trên kế hoạch phát triển nhà hàng năm và 5 năm đã được UBND tỉnh lập và phê duyệt.

- Cột (11): ghi rõ giai đoạn dự báo nhu cầu về nhà ở thương mại theo năm

Đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện, Cục thống kê tỉnh.

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NHÀ Ở XÃ HỘI

Kỳ báo cáo : Năm ...

Stt	Khu vực	Dự báo nhu cầu mua, thuê mua căn hộ chung cư (căn)	Dự báo nhu cầu mua, thuê mua nhà ở riêng lẻ (căn)	Dự báo nhu cầu thuê căn hộ chung cư (căn)	Dự báo nhu cầu thuê nhà ở riêng lẻ (căn)	Giai đoạn từ năm ... đến năm ... (m2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Quận/huyện ...					
2	Quận/huyện ...					
...	...					
	Tổng cộng					

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Số DT:

Email:

Ghi chú:

- Việc xác định nhu cầu trên cơ sở số liệu khảo sát, đánh giá về số lượng hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu về nhà ở và đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương. Số liệu có thể được tổng hợp dựa trên kế hoạch phát triển nhà hàng năm và 5 năm đã được UBND tỉnh lập và phê duyệt.

- Cột (11): ghi rõ giai đoạn dự báo nhu cầu về nhà ở xã hội theo năm

Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư
Địa chỉ, điện thoại:
Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG NHÀ Ở ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH NHƯNG CHƯA GIAO DỊCH TẠI CÁC DỰ ÁN

Stt		Quận/Huyện	Lượng nhà ở đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tính đến hết kỳ báo cáo									
			Căn hộ chung cư						Nhà ở riêng lẻ			
			Diện tích ≤ 70m ²		70m ² < Diện tích ≤ 120m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự	
			Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I	Nhà ở để bán											
1	...											
2	...											
...	...											
II	Nhà ở cho thuê											
	...											
Tổng cộng												

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số ĐT:
Email:

Ngày.... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Nhà ở đủ Điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch là nhà ở đủ Điều kiện giao dịch theo quy định tại Luật Kinh doanh bất động sản nhưng chưa đưa vào giao dịch hoặc đã đưa vào giao dịch nhưng chưa được giao dịch thành công trên thị trường

Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG SỐ NHÀ Ở KHỎI CÔNG THEO DỰ ÁN

Năm ...

Đơn vị tính: Căn hộ/căn nhà

Nội dung	Tổng số	Chia theo loại nhà	
		Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số			
Chia ra:			
- Khu vực thành thị			
- Khu vực nông thôn			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số DT:

Email:

Ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư, UBND cấp huyện

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG SỐ NHÀ Ở HOÀN THÀNH TRONG NĂM

Năm ...

Đơn vị tính: Căn hộ/căn nhà

Nội dung	Tổng số	Chia theo loại nhà		Chia theo hình thức phát triển nhà ở	
		Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Phát triển nhà ở theo dự án	Phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					
Chia ra:					
- Khu vực thành thị					
- Khu vực nông thôn					

Ngày.... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:

Email:

Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở THEO DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG NĂM

Kỳ công bố: Năm ...

Đơn vị tính: m² sàn

Nội dung	Tổng số	Chia theo loại nhà	
		Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số			
Chia ra:			
- Khu vực thành thị			
- Khu vực nông thôn			

Ngày.... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:

Email:

Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở XÃ HỘI HOÀN THÀNH TRONG NĂM

Kỳ công bố: Năm ...

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Chia theo loại nhà		Chia theo hình thức giao dịch		
			Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Bán	Cho thuê mua	Cho thuê
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Tổng số nhà ở	căn hộ/căn nhà						
Chia ra:							
- Khu vực thành thị	căn hộ/căn nhà						
- Khu vực nông thôn	căn hộ/căn nhà						
2. Tổng diện tích nhà ở	m ² sàn						
Chia ra:							
- Khu vực thành thị	m ² sàn						
- Khu vực nông thôn	m ² sàn						

Ngày.... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số ĐT:

Email: